

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 52/2023/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 07 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) của tỉnh Gia Lai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Xét Tờ trình số 582/TTr-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) của tỉnh Gia Lai;

Báo cáo thẩm tra số 257/BC-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) của tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

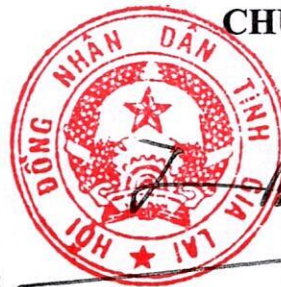
1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 87/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai “*Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của tỉnh Gia Lai*” và Nghị quyết số 132/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai “*về việc sửa đổi một số điều của Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo Nghị quyết số 87/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai*”.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ Mười hai (chuyên đề) thông qua ngày 07 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 4 năm 2023. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế thuộc Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT - VP.



CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý,
sử dụng tài sản công và mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác
(không thuộc đối tượng là tài sản công) của tỉnh Gia Lai**
(Kèm theo Nghị quyết số 52/2023/NQ- HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) của tỉnh Gia Lai.

b) Tài sản công và tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; điểm a, b, c, đ, e, g, h, i, k và l khoản 1 Điều 2 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai, gồm: Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.

b) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến sử dụng vốn nhà nước theo quy định tại điểm a, b, c và e khoản 2 Điều 2 Thông tư số 58/2016/TT-BTC; điểm b khoản 2 Điều 1 Thông tư số 68/2022/TT-BTC để mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) nhằm duy trì hoạt động thường xuyên.

c) Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Chương II

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH TRONG VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công, gồm:
 - a) Trụ sở làm việc; đất và tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm nhận chuyển quyền sử dụng đất).
 - b) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác có động cơ (trừ xe mô tô, xe gắn máy).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định mua sắm tài sản công có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên trên một gói mua sắm của cơ quan nhà nước cấp huyện, cấp xã, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc cơ quan nhà nước cấp tỉnh

a) Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản công của cơ quan, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Thủ trưởng cơ quan trực thuộc cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản công của cơ quan, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định mua sắm tài sản công có giá trị dưới 100 triệu đồng trên một gói mua sắm, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước

Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc cơ quan nhà nước cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan hoặc sử dụng chung cho nhiều cơ quan.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công, gồm:
 - a) Trụ sở làm việc; đất và tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm quyền sử dụng đất).
 - b) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác có động cơ (trừ xe mô tô, xe gắn máy).

2. Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản công thuộc phạm vi quản lý và của các cơ quan trực thuộc, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định thu hồi tài sản công của cơ quan nhà nước cấp huyện, cấp xã, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công, gồm:
 - a) Trụ sở làm việc; đất và tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm quyền sử dụng đất).
 - b) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác có động cơ (trừ xe mô tô, xe gắn máy).
2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công giữa các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện, thị xã, thành phố, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.
3. Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công thuộc phạm vi quản lý và của các cơ quan trực thuộc, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan nhà nước cấp huyện, giữa cơ quan nhà nước cấp huyện và cơ quan nhà nước cấp xã, giữa các cơ quan nhà nước cấp xã thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công trong trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 43 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công, gồm:
 - a) Trụ sở làm việc; đất và tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm quyền sử dụng đất).
 - b) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác có động cơ (trừ xe mô tô, xe gắn máy).
2. Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh, thủ trưởng cơ quan trực thuộc cơ quan nhà nước cấp tỉnh
 - a) Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định bán tài sản công thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.
 - b) Thủ trưởng cơ quan trực thuộc cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định bán tài sản công thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định bán tài sản công thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước cấp huyện, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.
4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định bán tài sản công thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công, gồm:
 - a) Nhà làm việc (trừ trường hợp nhà làm việc phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng).
 - b) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác có động cơ (trừ xe mô tô, xe gắn máy).

2. Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý và của các cơ quan trực thuộc, gồm:

a) Nhà làm việc phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng.

b) Tài sản khác gắn liền với đất (không bao gồm quyền sử dụng đất).

c) Tài sản công khác thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thủ trưởng cơ quan trực thuộc cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, điểm a, điểm b khoản 2 Điều này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định thanh lý tài sản công của cơ quan nhà nước cấp huyện, cấp xã gồm:

a) Nhà làm việc phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng.

b) Tài sản khác gắn liền với đất (không bao gồm quyền sử dụng đất).

5. Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều này.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định thanh lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều này.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công, gồm: Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác có động cơ (trừ xe mô tô, xe gắn máy).

2. Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh, thủ trưởng cơ quan trực thuộc cơ quan nhà nước cấp tỉnh

a) Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Thủ trưởng cơ quan trực thuộc cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định tiêu hủy tài sản công của cơ quan nhà nước cấp huyện, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định tiêu hủy tài sản công thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công, gồm:

a) Trụ sở làm việc; đất và tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm quyền sử dụng đất).

b) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác có động cơ (trừ xe mô tô, xe gắn máy).

2. Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh, thủ trưởng cơ quan trực thuộc cơ quan nhà nước cấp tỉnh

a) Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Thủ trưởng cơ quan trực thuộc cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định xử lý tài sản công của cơ quan nhà nước cấp huyện, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định xử lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương III

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH TRONG VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 10. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 2 Quy định này.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công, gồm: Cơ sở hoạt động sự nghiệp; đất và tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất), xe ô tô.

b) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mua sắm tài sản công, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập

Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quy định này, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công (trừ trường hợp tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định) tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

2. Trường hợp tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định, việc bán cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công, gồm:

a) Nhà làm việc (trừ nhà làm việc phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng).

b) Xe ô tô; các phương tiện vận tải khác có động cơ có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, gồm:

a) Nhà làm việc phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng.

b) Công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất (không bao gồm quyền sử dụng đất).

c) Tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý tài sản công, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

Điều 17. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

Chương IV

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH TRONG VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI; TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP; TỔ CHỨC XÃ HỘI; TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP; TỔ CHỨC KHÁC ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HỘI

Điều 18. Thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị - xã hội

Thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định tại Chương II Quy định này;

thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định tại Chương III Quy định này.

Điều 19. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội thực hiện thực hiện theo quy định của pháp luật về hội

Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 của Quy định này.

Chương V

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 20. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại, gồm:

- a) Trụ sở làm việc.
- b) Cơ sở hoạt động sự nghiệp.
- c) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác có động cơ (trừ xe mô tô, xe gắn máy).

2. Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương VI

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH TRONG VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Điều 21. Thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công tại cơ quan của Đảng từ nguồn ngân sách nhà nước giao phục vụ hoạt động của Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện thực hiện theo quy định tại Điều 2 Quy định này.

2. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản tại cơ quan của Đảng từ nguồn ngân sách nhà nước giao phục vụ hoạt động của Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quy định này.

3. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công tại cơ quan của Đảng được Nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân

sách nhà nước tại Văn phòng huyện ủy, thành ủy, thị ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

4. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công tại cơ quan của Đảng trong các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 25 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

5. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công tại cơ quan của Đảng trong các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 26 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

6. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công tại cơ quan của Đảng trong các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều 27 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

7. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công tại cơ quan của Đảng trong các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 28 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

8. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan của Đảng trong các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 29 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

9. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công tại đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy định này.

10. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động tại đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy định này.

11. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công tại đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

12. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công tại đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

13. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công tại đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quy định này.

14. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy thực hiện theo quy định tại Điều 15 Quy định này.

15. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công tại đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

16. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

Chương VII

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM TÀI SẢN, HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KHÁC (KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG LÀ TÀI SẢN CÔNG)

Điều 22. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công)

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội thực hiện theo các quy định tại Điều 2 Chương II Quy định này.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) của đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo các quy định tại Điều 10 Chương III Quy định này.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Người có thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) theo quy định tại Chương II, III, IV, V, VI, VII Quy định này có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) trong phạm vi được phân cấp tại Quy định này và quy định pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng quy định tương ứng tại văn bản quy phạm pháp luật mới. 